

Bản án số: 189/2020/DS-ST
Ngày: 08/9/2020
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Lê Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Hồng

2. Ông Ngô Hữu Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh:
Bà Nguyễn Thị Hương – Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 09 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2020/DSST ngày 01 tháng 06 năm 2020 về “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2020/QĐXXST-DS ngày 23/07/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 90/2020/QĐHPT-DS ngày 10/08/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thu T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp 4, xã Đ, huyện M, tỉnh N – Có mặt.

Bị đơn: Bà Trang Thị Thu B, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 143/12 đường M, Tổ A, Khu phố D, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; Bản tự khai; Biên bản không tiến hành hòa giải được cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn bà Hồ Thị Thu T trình bày:

Ngày 04/09/2019, bà Hồ Thị Thu T có cho bà Trang Thị Thu B vay số tiền là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, tại Văn phòng Công chứng T số

448 đường L, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng vay số công chứng: 00015790, Quyền số: 02 TP/CC-SCC/HĐGD. Thời hạn vay là 1 tháng kể từ ngày 04/09/2019 đến ngày 04/10/2019, không có lãi suất. Tuy nhiên đến thời hạn trả nợ là ngày 04/10/2019 đến nay mặc dù bà T đã nhắc nhở yêu cầu bà B thanh toán tiền nợ bằng hình thức gửi tin nhắn, gọi điện thoại và đến nhà tìm nhưng bà B vẫn không trả lại số tiền đã vay.

Tại phiên tòa, bà T yêu cầu bà B trả lại số tiền đã vay là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng theo Hợp đồng vay số công chứng: 00015790, Quyền số: 02 TP/CC-SCC/HĐGD, không yêu cầu thanh toán tiền lãi.

Bị đơn bà Trang Thị Thu B vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định pháp luật nhưng bị đơn bà Trang Thị Thu B không đến, không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7:

1. Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các Điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn, đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 86 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn mặc dù đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng trong suốt quá trình từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Nguyên đơn bà Hồ Thị Thu T khởi kiện bị đơn bà Trang Thị Thu B phải trả số tiền nợ gốc đã vay vào ngày 04/09/2019 theo Hợp đồng vay số công chứng: 00015790, Quyền số: 02 TP/CC-SCC/HĐGD, tại Văn phòng Công chứng T, số 448 đường L, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, thì đây là tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản”.

[1.2] Căn cứ kết quả xác minh của Công an phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo phiếu yêu cầu xác minh số: 86/2020/TAQ7 ngày 02/6/2020 của Tòa án nhân dân Quận 7 thì: “Đương sự Trang Thị Thu B, sinh ngày 29/7/1972, hộ khẩu thường trú: Số 143/12 đường M, Tổ A, Khu phố D, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay đương sự Trang Thị Thu B không thực tế cư trú tại địa phương đi đâu không rõ từ tháng 10/2018 đến nay”.

[1.3] Căn cứ vào Hợp đồng vay số công chứng: 00015790, Quyền số: 02 TP/CC-SCC/HĐGD thì bị đơn bà Trang Thị Thu B xác nhận địa chỉ cư trú là tại: Số 143/12 đường M, Tổ A, Khu phố D, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.4] Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết Số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao: “*Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*”,

Từ sự phân tích ở các mục từ [1.1] đến [1.4] và theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về hình thức

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn bà Trang Thị Thu B. Tuy nhiên, bị đơn bà Trang Thị Thu B vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn bà Trang Thị Thu B theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ vào Hợp đồng vay số công chứng: 00015790, Quyền số: 02 TP/CC-SCC/HĐGD, tại Văn phòng Công chứng T, số 448 đường L, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 04/09/2019, theo đó nguyên đơn bà Hồ Thị Thu T đã cho bà Trang Thị Thu B vay số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, có thời hạn 01 tháng, không lãi suất.

Tuy nhiên từ khi đến hạn thanh toán cho đến nay bà Trang Thị Thu B vẫn chưa thanh toán bất kỳ một khoản tiền nào cho nguyên đơn bà Hồ Thị Thu T. Do đó bà Hồ Thị Thu T khởi kiện ra Tòa án yêu cầu bị đơn bà Trang Thị Thu B phải thanh toán số tiền gốc 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, không yêu cầu thanh toán tiền lãi.

Xét, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn là bà Trang Thị Thu B. Tuy nhiên bà Trang Thị Thu B không đến tòa trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho tòa nên căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn bà Trang Thị Thu B đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xem xét các tài liệu chứng cứ, lời khai của nguyên đơn để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Từ sự phân tích trên có cơ sở để kết luận bị đơn bà Trang Thị Thu B còn nợ nguyên đơn bà Hồ Thị Thu T số tiền gốc 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng đã vay theo Hợp đồng vay số công chứng: 00015790, Quyền số: 02 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng T lập vào ngày 04/09/2019 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về tiền lãi: Nguyên đơn bà Hồ Thị Thu T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3.3] Về thời hạn trả nợ:

Nguyên đơn bà Hồ Thị Thu T yêu cầu bị đơn bà Trang Thị Thu B trả số tiền nợ gốc ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét, bị đơn bà Trang Thị Thu B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong thời gian dài, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, nên yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273; Điều 178 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng Luật Phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014,

Xử:

[1]. Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn bà Trang Thị Thu B.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Thu T.

Buộc bà Trang Thị Thu B phải trả cho bà Hồ Thị Thu T số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng. Trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.2]. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án dân sự:

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyết định chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Trang Thị Thu B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

Hoàn trả lại số tiền án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn bà Hồ Thị Thu T là 2.500.000 (Hai triệu năm trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu số: AA/2018/0032509 ngày 01/06/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.

[4]. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn bà Hồ Thị Thu T được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn bà Trang Thị Thu B được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

[5]. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKS ND Q.7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Dương sự;
- Lưu, hồ sơ (Tk. Xuân Duyên).

Đào Lê Anh